TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59/**2019/HNGĐ – ST
Ngày: 19-8-2019
"V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày19 tháng 8năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 489/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc "Hủy kết hôn trái pháp luật". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 7năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ng, sinh năm: 1988
Cư trú tại: Thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1987
Tên thật: Bùi Văn C, sinh năm: 1984
Hiện đang chấp hành án tại: Đội 3, phân trại 2, trại giam Th, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (về tội: Cố ý gây thương tích)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước
Địa chỉ: Thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh S - Chức vụ: Chủ tịch.
Địa chỉ: Thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn,người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M (tên thật là Bùi Văn C) quen biết và chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống cho đến năm 2015 thì anh Nguyễn Văn M bị bắt sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xã phạt 20 năm tù, hiện anh Nguyễn Văn M đang chấp hành án tại Trại giam Th, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Theo thông tin chị được biết thì anh Nguyễn Văn M đã phạm tội và bị truy nã theo quyết định truy nã của Cơ quan Công an tỉnh Quảng Ninh. Sau khi anh Nguyễn Văn M bị bắt chị biết được tên thật anh M là Bùi Văn C, sinh năm 1984, quê quán thôn Bắc, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Bản thân chị trước khi chung sống kết hôn với anh Nguyễn Văn M không hề biết sự việc anh Nguyễn Văn M làm giả giấy tờ tùy thân để kết hôn với chị cho nên chị thấy anh Nguyễn Văn M đã lừa dối để đi đăng ký kết hôn nhằm trốn truy nã của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó việc kết hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn M là không hợp pháp. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Nguyễn Văn M.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Văn M có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Ch sinh ngày29 tháng 11 năm 2011 và Nguyễn Phạm Phúc A sinh ngày 05 tháng 5 năm 2014. Hiện nay cháu Nguyễn Văn M và cháu Nguyễn Phạm Phúc A đang ở với chị nên chị có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Chị không yêu cầu Tòa ángiải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn M không có, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn M không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn M (tên thật là Bùi Văn C) vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn M trình bày:*Anh tên thật là Bùi Văn C, sinh năm 1984. Năm 2006 anh bị khởi tố vụ án hình sự về tội cố ý gây thương tích bỏ trốn vào xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước để trốn lệnh truy nã. Đến khoảng tháng 2 năm 2010 anh có quen biết chị Phạm Thị Ng. Đến ngày 11/5/2010 anh và chị Phạm Thị Ng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước với tên giả là Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/7/1987 hộ khẩu thường trú tại khu Th, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống chị Phạm Thị Ng không hề biết anh làm giấy tờ giả và cũng không biết tên thật của anh là Bùi Văn C mà chỉ biết

anh với cái tên Nguyễn Văn M. Nay chị Phạm Thị Ng khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với anh, anh đồng ý và không có ý kiến gì.

Về nuôi con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Phạm Thị Ng về con chung. Hiện nay cháu Nguyễn Minh Ch và cháu Nguyễn Phạm Phúc A đang ở với chị Phạm Thị Ng và anh đang chấp hành án nên đồng ýgiao hai con chung cho chị Phạm Thị Ng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về chia tài sản chung: Anh và chị Phạm Thị Ng không có, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị Phạm Thị Ng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước trình bày:*Ủy ban nhân dân xã Th đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1988, thường trú tại thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước và ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1987 thường trú tại tổ 2, khu Th, xã N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01 cấp ngày 11/5/2010. Căn cứ pháp lý là giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 37 của Uỷ ban nhân dân xã N cấp ngày 04/5/2010, tình trạng hôn nhân là độc thân chưa đăng ký kết hôn với ai. Việc Uỷ ban nhân dân xã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn M là đúng trình tự, đúng pháp luật. Khi UBND xã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn giữa bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn M, Uỷ ban nhân dân xã không hề biết ông Nguyễn Văn M dùng giấy tờ không đúng để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hiện nay, bà Phạm Thị Ng yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn M, Uỷ ban nhân dân nhận thấy nếu ông Nguyễn Văn M dùng giấy tờ giả để kết hôn với bà Phạm Thị Ng là trái quy định pháp luật phải xử lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 8, Điều 10, Điều 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ng, hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn M

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Minh Ch sinh ngày 29 tháng 11 năm 2011 và cháu Nguyễn

Phạm Phúc A sinh ngày 05 tháng 5 năm 2014 cho chị Phạm Thị Ng nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

* Tài liệu do nguyên đơn giao nộp:

Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Minh Ch; Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Phạm Phúc A; Sổ hộ khẩu + chứng minh nhân dân đứng tê Phạm Thị Ng; Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ký ngày 11/5/2010.

* Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:

Bản tự khai ngày 24/12/2019 của chị Phạm Thị Ng; Bản tự khai ngày 12/6/2019 của anh Nguyễn Văn M (tên thật: Bùi Văn C); Công văn số 111/UBND-Cv ngày 01/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước.

* Tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp:

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 37/UBND-XB ngày 04/5/2010; Tờ khai đăng ký kết hôn lập ngày 11/5/2010.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị Ng có đơn khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28 của Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật "hủy kết hôn trái pháp luật". Trước khi anh Nguyễn Văn M chấp hành án tại Trại giam Th, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì anh Nguyễn Văn M cư trú tại thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Ng chấp hành tốt quy định pháp luật và có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giảivà phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Văn M (là bị đơn) và Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản

1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M và Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

3.1. Chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn M đều thừa nhận anh chị chung sống và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11 tháng 5 năm 2019. Anh Nguyễn Văn M thừa nhận tên thật của anh là là Bùi Văn C, sinh năm 1984, cư trú tại thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên trong tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống với chị Phạm Thị Ng thì anh Nguyễn Văn M đã dùng giấy tờ giả tên là Nguyễn Văn M, sinh năm 1987, cư trú tại tổ 2, khu Th, phường N, TP. M, tỉnh Quảng Ninh. Sự việc này chị Phạm Thị Ng không biết. Như vậy, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Văn M (tên thật là Bùi Văn C) đã có hành vi lừa dối kết hôn.Tại khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Người bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật này".*Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;...."*Do đó, có đủ căn cứ xác định việc kết hôn giữa anh Nguyễn Văn M (tên thật là Bùi Văn C) và chị Phạm Thị Ng là trái pháp luật. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước có văn bản đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 8 và Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ng, hủy kết hôn trái pháp luật giữachị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn M (tên thật là Bùi Văn C); Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2010 ký ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3.2. Về con chung: Chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn C khai nhận chị và anh có 02 con chung là Nguyễn Minh Ch sinh ngày 29 tháng 11 năm 2011 và Nguyễn Phạm Phúc A sinh ngày 05 tháng 5 năm 2014. Chị Phạm Thị Ng có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Ch và cháu Nguyễn Phạm Phúc A. Xét hiện nay cháu Nguyễn Minh Ch và cháu Nguyễn Phạm Phúc A đang được chị Phạm Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Phạm Thị Ng có nhà cửa và thu nhập ổn định. Anh Nguyễn Văn M đang chấp hành án tại Trại giam Th, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Minh Ch và cháu Nguyễn Phạm Phúc A theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn M, giao cháu Nguyễn

Minh Ch và cháu Nguyễn Phạm Phúc A cho chị Phạm Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Ng không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.4. Về chia tài sản chung: Chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn M không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.5. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn M không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Phạm Thị Ng phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theoquy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 8; Điều 10; Điều 12; Điều 81;Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ng. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Văn M (tên thật là Bùi Văn C)

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2010 ký ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên: Giao cháu Nguyễn Minh Ch sinh ngày 29 tháng 11 năm 2011 và cháu Nguyễn Phạm Phúc A sinh ngày 05 tháng 5 năm 2014 cho chị Phạm Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt

của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Ng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ng phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộptrước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009011 ngày 11 tháng 12năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong).*

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/8/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh